

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG NGÔN NGỮ "LÓNG" TRÊN VĂN BẢN BÁO CHÍ DÀNH CHO GIỚI TRẺ HIỆN NAY

PHẠM THỊ THU HOÀI

(Cao học K16, Đại học Sư phạm Thái Nguyên)

1. Vốn chỉ là một “biệt ngữ” xã hội, tiếng lóng (Slang) là một dạng ngôn ngữ hẹp được sử dụng trong một nhóm hay cộng đồng nào đó, sống “*kí sinh*” trong lòng ngôn ngữ toàn dân. Từ khi hình thành, tiếng lóng đã bị coi là “*lệch chuẩn*” không được khuyến khích phát triển. Nhưng hiện nay lối nói “*lóng hoá*” đang có cơ phát triển trong xã hội, nhất là với giới trẻ ở các đô thị,... Có một bộ phận tiếng lóng đã nhập vào ngôn ngữ chung và ít nhiều có giá trị tích cực. Sự hiểu biết và vận dụng linh hoạt tiếng lóng có thể tạo nên sự phong phú trong vốn từ thể hiện ở cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

Để trả lời câu hỏi “*Viết cho ai*”, “*viết mục đích gì*” báo chí đã phải đứng trước những yêu cầu khác nhau của những tầng lớp xã hội, những nhóm người với trình độ văn hóa, trình độ học vấn, nguyện vọng và ý thích khác nhau. Tìm hiểu về “ngôn ngữ báo chí” là bước chân vào địa hạt khá rộng, trên một nền tư liệu lớn, đồ sộ bao gồm: báo in, báo điện tử, báo phát thanh và báo hình. Tuy nhiên trong phạm vi đề tài này, ngôn ngữ báo điện tử, báo phát thanh và báo hình chúng tôi chưa có điều kiện nghiên cứu. Vì vậy bài viết này chúng tôi chỉ xin tập trung vào “*hiện tượng lóng*” trên một số báo chí được giới trẻ hiện nay quan tâm như: *Tuổi trẻ cười*, *Sinh viên Việt Nam*... và đặc biệt là *Báo Thế giới học đường*, *Hoa học trò* tờ báo đã và đang được tuổi Teens yêu thích.

Từ đầu thế kỉ XX, tiếng lóng Việt Nam đã được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Đây có thể coi là một chủ đề lí thú, nóng bỏng, thu hút được sự tò mò của nhiều cây bút và đông đảo độc giả. Công trình đầu tiên phải kể đến “*Tiếng lóng Việt Nam*” của J.N.Cheon đăng trên tập san Trường Viễn Đông Bác Cổ năm 1095. Sau 20 năm, khảo luận “*Tiếng lóng Việt Nam ở Hà Nội*” của Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố chính thức được công bố năm 1925... Trong thời gian qua, nhiều chuyên gia đầu ngành về Việt ngữ học đã dồn nhiều tâm sức để nghiên cứu về vấn đề này. Song cho đến nay vẫn tồn tại nhiều ý kiến trái chiều xoay quanh cách nhìn nhận, đánh giá về hiện tượng ngôn ngữ phức tạp này. Năm 2005 tác giả Jonathon Green đã cho ra đời cuốn “*Cassell’s Dictionary of Slang*” (Từ điển tiếng lóng Cassell) với không dưới 12.500 mục tra cứu. Tiếp sau công trình nghiên cứu này, cuốn sách “*The New Partridge Dictionary of Slang*” (Tân từ điển tiếng lóng Partridge) lần đầu tái bản có bổ sung sau 20 năm. Được các nhà từ điển nổi tiếng Tom Dalzell và Terry Victor biên tập, cuốn từ điển mới chứa tới 65.000 mục tra cứu, trong đó có hàng ngàn từ và cụm từ lóng khoảng 5 năm trở lại đây.

Có thể nói hiện tượng “lóng” một hiện tượng ngôn ngữ xã hội khá phức tạp, đã được nhiều tác giả dày công nghiên cứu. Tuy nhiên cho đến nay, nhiều vấn đề lí thuyết chưa được cập nhật, một khối lượng lớn tiếng lóng

vẫn trôi nổi, chưa được thống kê và phân loại đúng mức về giá trị sử dụng.

2. Thực trạng sử dụng hiện tượng “lóng” trên báo chí hiện nay

2.1. Chưa bao giờ vấn đề sử dụng ngôn ngữ trên báo chí lại bị lên án gay gắt như hiện nay. Đã có nhiều lời cảnh báo về việc sử dụng ngôn từ thiếu chọn lọc, rập khuôn theo mô típ, chưa kể đến những lối diễn đạt vụng về, thiếu trong sáng. Thực trạng trên đang trở thành vấn nạn, được đưa ra góp bàn tại những hội thảo chuyên đề có liên quan. Qua phân tích, cắt nghĩa nguyên nhân chính là do những “căn bệnh” đã ăn sâu, khó sửa chữa như căn bệnh sính ngoại, bệnh dùng từ không đại chúng, bệnh bắt chước, bệnh cầu thả trong lựa chọn câu từ...

Căn bệnh phổ biến và nổi trội hơn cả đó là “bệnh sính ngoại”. Đây là căn bệnh thường bắt gặp ở những cây bút trẻ. Biểu hiện dễ thấy là sử dụng một cách tràn lan, vô tội vạ ngôn ngữ ngoại quốc, đặc biệt là tiếng Anh. Những từ được “chêm” một cách tự do, bất quy tắc xuất hiện ngày một nhiều, không chỉ đan cài trong nội dung mà còn xuất hiện trên các trang bìa, tit báo. Qua khảo sát một số tờ báo *Sinh viên Việt Nam* năm 2009 nhận thấy mật độ sử dụng tiếng Anh trên báo này rất cao. Dẫn chứng báo *Sinh viên Việt Nam* số 45 tháng 12/2009 các tiêu đề: “Phải trở thành Manager trẻ”, “Làm caddie trên sân golf đòi cù”, “Đại sứ S. class”... Không biết mục đích cụ thể của tác giả là gì, song vô tình đã trở thành rào cản ngôn ngữ không đáng có cho độc giả. Những từ, cụm từ nhiều âm tiết trong tiếng Việt được thay thế bằng những từ tiếng Anh có phát âm ngắn, cấu tạo đơn giản. Hiện nay báo chí thay khu nghỉ dưỡng bằng resort, gọi người hâm mộ là fan, gọi giới trẻ là teen...

Đi liền với căn bệnh sính ngoại là lối nói “nửa tây, nửa ta” trong giao tiếp. Ví dụ “*mày ok hay không ok cũng phải call lại cho nó chứ. Chẳng pro chút nào cả*”. Hay những tiếng lóng, tiếng bồi được sử dụng một cách

vô tội vạ gây nên sự ức chế, phản cảm. Cách nói “*chéch ao, chéch in*” (làm thủ tục hoặc lấy phòng khách sạn), “*so - ri em, anh pho - ghét mắt*” (anh xin lỗi em, anh quên mắt), hay “*nêm cạc*” (name card – danh thiếp)...những cách nói khó hiểu, nhiều khi dẫn tới hiểu nhầm tệ hại, không ít người trong cuộc phải xấu hổ đỏ mặt.

Thiết nghĩ, ngôn ngữ nào cũng cần có sự thay đổi, biến chuyển. Song khách quan nhìn nhận việc sử dụng tự do tiếng nước ngoài chỉ đem lại những cách hiểu không rõ ràng, đặc biệt là trên ngôn ngữ báo chí chính thống. Báo chí được xuất bản để phục vụ cho số đông, mà quần chúng biết và sử dụng thành thạo tiếng Anh chưa nhiều. Người Việt không thể lúc nào cũng mang bên mình cuốn từ điển tiếng Anh để đọc một tờ báo Việt.

2.2. Sự phát triển hiện tượng lóng là một quá trình tự nhiên. Hiện nay trong giao tiếp giới trẻ thường ưa chuộng sử dụng các loại từ ngữ (tính từ, động từ, danh từ...) mang ấn tượng mạnh, để tạo sự hài hước, hóm hỉnh. Những từ như “*cá chìm*” (công an mặt), “*ngheo*” (xe máy), “*máu khô*” (tiền dự trữ), “*bóc lịch*” (đi tù), “*sách ba xu*” (loại sách có nội dung nghèo nàn rẻ tiền), “*ổ quy*” (nơi chứa gói mại dâm)...đã không còn xa lạ, xuất hiện nhiều trên các kênh thông tin đại chúng, đặc biệt trên các báo dành cho giới trẻ.

Đã không còn xa lạ, nếu bắt chợt ta nghe thấy phát ngôn “*thầu giàu nhĩ!*” thì lập tức có thể hiểu ngay đối tượng đang được tập trung chú ý là một người có rất nhiều tiền; hay thấy một người đi xe máy luôn lách điệu nghệ trên đường phố, ai đó đưa ra lời bình luận “*xà lách tôm không?*”...Và cũng theo biến thái ngẫu nhiên này, nhiều tiếng lóng bị sử dụng một cách thô tục, gây phản cảm cho người trong và ngoài cuộc. Kiểu như hỏi bạn bè đã ăn cơm chưa thành “*mày đớp chưa?*”, khen người già khỏe mạnh “*dạo này nhìn cụ ngon ngé quá!*”. Không dừng lại ở đó, lối nói bỗ bã kiểu “chợ búa” cũng len lách vào nơi công sở

“chào đại ca, hết giờ làm đội hình nhà mình đi làm tí máu nhĩ?” (ăn tiết canh động vật)...

Giới trẻ hiện nay đang bước sang một thời kì mới, sự thay đổi của ngôn ngữ là một hệ quả tất yếu. Những từ, cụm từ, kí hiệu, mật mã mang hàm ý “lóng” xuất hiện ngày một nhiều, nó phá vỡ rào cản kiên cố của ngôn ngữ chính thống, tự do hình thành và tự do biến mất. Hiện tượng lóng xuất hiện giúp cho ngôn ngữ hàng ngày trở nên sinh động hơn, giới trẻ duy trì sự giao tiếp một cách thường xuyên, liên tục. GS. Đinh Văn Đức bình luận: “*Nó giúp ngôn ngữ phong phú hơn và phục vụ nhu cầu cuộc sống tốt hơn. Đặc biệt nước ta sau đổi mới, đời sống xã hội thay đổi nhiều và phát triển nhanh và nhiều kể cả vốn từ, lối nói, phong cách giao tiếp*”.

2.3. Ngôn ngữ trên báo chí dành cho giới trẻ hiện nay đang rơi vào sự quá đà. Khi bàn về vấn đề này, chúng ta xét đến hai khía cạnh, là **cái đúng** và **sự thích hợp**. Cái đúng là cái được cộng đồng ngôn ngữ hiểu và chấp nhận. Từ đây có thể hiểu cái sai là cái mà người tiếp nhận không hiểu, không chấp nhận bởi nó không phù hợp với chuẩn mực và phong cách chung, do đó không được thừa nhận và lựa chọn.

Nhưng điều bất thường trong xã hội hiện nay là các nhà báo trẻ khá ưa dùng cách nói “*lệch chuẩn*” và bình thân sử dụng tạo nên phong cách của riêng mình. Thực tế hiện nay cho thấy sự khủng hoảng này đang diễn ra ở mọi cấp độ, mọi lúc - mọi nơi và biến dạng dưới mọi hình thức. Hiện tượng phổ biến là trong văn phong của các nhà báo trẻ thường biến cái sai thành thói quen có hệ thống, từ thói quen dần dần nghiêm nhiên nó trở thành cái hay dùng. Ví dụ “*xì – tin*” (style), là một từ sai nhưng lại được sử dụng với mật độ dày đặc trên các báo mà đặc biệt là *Hoa học trò*, cho đến nay chưa có một tiếng nói nào đề nghị sửa đổi và nó vẫn được đông đảo bạn trẻ ưa chuộng sử dụng. Cách gọi “*phe kẹp nơ*” để chỉ “*con gái*” trong ví dụ “*cũng là dân 8X ngoại hình đủ làm trái tim phe kẹp nơ rung rinh*”

(HHT, số 685, T32,2007). Hay lối quy ước: 1xích = 1 chục, 1 lít = 1 trăm, 1củ = 1 triệu đã không còn xa lạ với giới trẻ.

Mặc dù bị coi là thứ ngôn ngữ phi chính thống, phi chuẩn mực nhưng tiếng lóng có một đời sống khá sôi động. Khó có thể thống kê chính xác mỗi ngày một người sử dụng trung bình bao nhiêu tiếng lóng, cũng như tần xuất nó góp mặt trên một số báo. Nhưng phải thừa nhận rằng ngoài lí do giữ bí mật nội dung giao tiếp, tiếng lóng còn có khả năng nói tránh đi những từ ý nhị. Cách nói “*hàng mới quen đảm bảo còn nguyên đai nguyên kiện*”, cánh mày râu sẽ thấy khoái cảm hơn so với cách nói “*cô gái này mới quen, vẫn còn trong trắng*”. Chính bởi ngôn từ phong phú, cách truyền tải nội dung linh hoạt, tinh tế mà tiếng lóng được khá đông đảo tầng lớp trong xã hội sử dụng. Hiện tượng lóng được đưa vào báo chí như một phương tiện tu từ phản ánh tính cách nhân vật và hiện thực đời sống.

2.4. Hiện nay báo chí đang đứng trước sự xâm nhập của các biến thể mới. Trước đây, ta thấy phổ biến cách nói, kiểu “*pà kon ui*” (bà con ơi), hay “*Ê kung! Vội j thế? Đi kùng pòn này cho vui!*” = (Ê cung! Vội gì thế? Đi cùng bọn này cho vui!) hay “*Teo mí đi lèm dzia*” là “*Tao mới đi làm về*”, “*Pí po*” là “*bye bye*”, nhìn đã khó đoán, đọc lên nghe còn khó hơn, thậm chí có trường hợp không biết phát âm làm sao được xem là ngôn ngữ của thế hệ @, thì ngày nay giới báo chí truyền thông đang đau đầu bởi sự “*tấn công*”, “*bùng nổ*” của các biến thể mới, những cách viết kì quặc, khó hiểu như đến từ một hành tinh khác.

Thông tin kiểu mật mã hiện đại xuất hiện ngày một nhiều, nếu như không được “*phiên dịch*” một cách kĩ càng, thì chắc chắn sẽ không một ai có thể hiểu trừ người trong cuộc. Để đọc và hiểu được ngôn ngữ trừu tượng của thế hệ @ đòi hỏi phải có sự kiên trì, vận dụng toàn bộ khối óc để tưởng tượng, suy ngẫm, phân tích, suy luận... Các chữ cái trong tiếng Việt đã được thế hệ 9X sử dụng thay thế bằng con số và chữ khác, hình dáng của chữ A trông hơi

giống số 4, chữ E với số 3, chữ I thay bằng J... Ví dụ: Ví dụ: " " Cl J) " " P v Cl J (- " (+) ? J < +) J [Cl " 3 Cl J [] Cl μ J < + ° ? J) F _ J [" 99 % + + +) ` J \_ μ ( " J ) " " 3 Cl J [ \$ F \_ ~ J ) J [ " J [ + Cl J [ ] ( 1 % J [ F \_ v ` + Cl J [+] ° + μ (" .)

2.4.1 Bảng mật mã của thể hệ @

TT	Chữ cái tiếng Việt	Mật mã tương ứng
1	A	Cl
2	B	3 hoặc ß (ß = Alt+225)
3	C	(
4	D	)
5	E	F _
6	G	(¬ (¬ = Alt + 170)
7	H	+ (+ = Alt+0134)
8	I	
9	K	] <
10	L	] _
11	M	/v
12	N	

2.4.2 Một số kí hiệu vui thường gặp trên báo chí

TT	Kí hiệu	Ý nghĩa
1	(n_n)	Cười
2	(._.)	Uh oh
3	(-_-)	Đau, buồn ngủ, mệt
4	(;_)	Khóc
5	(T_T)	Khóc, buồn
6	(@_@)	Choáng váng, chóng mặt
7	(O_O)	Sững sốt, ngạc nhiên
8	“+, day ,+”	1 ngày vui vẻ
9	(^_^)	Vui vẻ, hạnh phúc
10	*(^O^)*	Vui hơn, hạnh phúc hơn
11	(¬_¬)	Bực bội
12	(¬_¬")	Bực mình
13	(o_o)	"Không đùa chứ ???"
14	(*^*)	Ngạc nhiên, kinh ngạc

3. Ngôn ngữ báo chí là ngôn ngữ của thông tin truyền thông. Một trong những đặc điểm của nó là có “tính nhân dân, tính đại chúng”. Tác phẩm báo chí phải phù hợp với trình độ hiểu biết, năng lực tiếp nhận và nhu cầu thẩm mỹ của quảng đại quần chúng.

Có thể thể hệ 10X sau này sẽ không còn dùng ngôn ngữ mà thể hệ 8X và 9X đang dùng nữa. Họ sẽ tự gạn lọc và giữ lại những thứ

v Cl " ^ ° J " + J F _ μ ? J) (- J Cl " + P v J J) (+ " + + μ (° F (μ ° (\$ ° J [(- " . (Có ai đó nói rằng: "Chỉ khi nào bạn đau khổ đến 99% thì lúc đó bạn sẽ đón nhận được 1% niềm hạnh phúc... mới hiểu được giá trị đích thực của cuộc sống

TT	Chữ cái tiếng Việt	Mật mã tương ứng
13	P	J °
14	O	° (° = Alt + 248 = Alt+0186)
15	QU	v/
16	R	Pv
17	S	\$
18	T	+ (+ = Alt+0134)
19	U	μ (μ = Alt+230)
20	V	v
21	W	v/
22	X	><
23	Y	¥ (¥ = Alt+157)

TT	Kí hiệu	Ý nghĩa
15	(>_<)	Ồi
16	(X_X)	Chết
17	(=_=)	Chán
18	(*_*)	Yêu thích
19	(!_!)	Buồn
20	(o_O)	Hoài nghi, ngờ vực
21	(*O*)	Không thể tin được
22	(-O-)	Kiêu căng, khoe khoang
23	([o])	Khóc lóc, kêu la
24	([-])	Khóc lóc, kêu la
25	(p_q)	Bối rối, ngỡ ngàng
26	(;O)	Khóc chảy đống
27	(_O_)	duh
28	(.O.)	Bối rối, ngỡ ngàng

ngôn ngữ có sức sống và tiếp tục sáng tạo ra hệ thống ngôn ngữ mới cho riêng mình. Việc giới trẻ có những cách hiểu riêng cũng là bình thường, song sự sáng tạo biến những nội dung trao đổi “bình thường” thành “bất thường”, để rồi dày công giải mã nó quả là điều đáng phải suy nghĩ.

(xem tiếp trang 41)

cần cho học sinh thấy được và tránh đi sự chuyển di tiêu cực có thể có từ tiếng mẹ đẻ sang ngôn ngữ thứ hai.

Giáo viên Ngữ văn phải ý thức được sự khó khăn trong sử dụng từ ngữ tiếng Việt của học sinh, cố gắng tìm ra hướng giải quyết trong việc xây dựng các kiểu bài thực hành để rèn luyện cho học sinh nói, viết tiếng Việt được tốt hơn. Ví dụ các dạng bài: Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống có tác dụng giúp học sinh nhớ từ, cách dùng từ; Các bài tập rèn kỹ năng dùng từ ngữ tạo văn bản (nói hoặc viết), theo cách giáo viên có thể nêu các đề tài với các từ khóa và yêu cầu học sinh phát biểu ý kiến về đề tài đó... Ngoài ra trong các hoạt động ngoại khóa, giáo viên có thể hướng dẫn tổ chức học sinh thực hiện các trò chơi ngôn ngữ nhằm tích lũy vốn từ và rèn luyện kỹ năng dùng từ ngữ cho học sinh.

Cùng với việc xây dựng các kiểu bài thực hành, giáo viên phải tỉ mỉ chú trọng tìm ra các lỗi cũng như những cách tránh và sửa những lỗi mà học sinh của trường hay mắc, sao cho phù hợp với trình độ nhận thức của từng lớp và phù hợp với từng loại lỗi. Để thực hiện được công việc này, người giáo viên dạy không chỉ nắm chắc kỹ năng và các tri thức về tiếng Việt mà còn phải hiểu những đặc điểm cơ bản tiếng mẹ đẻ của học sinh mà mình dạy, để lường trước và giúp học sinh hiểu được bản chất các lỗi tiếng Việt khi tạo lập văn bản.

Với bài viết này, chúng tôi hi vọng rằng sẽ giúp ích vào việc báo động về khả năng sử dụng tiếng Việt của học sinh dân tộc thiểu số và có phương hướng nâng cao trình độ sử dụng tiếng Việt cho các em, ít ra là như một gợi ý, một tham khảo cho các đồng nghiệp đang dạy học ở các trường dân tộc nội trú.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường phổ thông dân tộc nội trú*, Nxb Văn hóa dân tộc, H.
2. Hoàng Văn Ma, Lục Văn Pảo (1974), *Từ điển Việt- Tày- Nùng*, Nxb KHXH, H.
3. Hoàng Phê (chủ biên) (2008), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
4. Viện Ngôn ngữ học, (1993), *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb KHXH, H.

(Biên tập nhận bài ngày 09-07-2010)

(Thực trạng sử dụng...tiếp theo trang 45)

Tìm hiểu hiện tượng lóng trên văn bản báo chí, chúng ta sẽ nhận thức sâu sắc hơn về vấn đề có ý nghĩa lí luận đã được G.V.Pospelov khái quát: “Do bản chất của nghệ thuật ngôn từ, chẳng những bất cứ loại lời nói thô tục nào mà ngay cả những dạng lời nói mang tính khuynh hướng xã hội cũng có thể được phép đi vào lời văn nghệ thuật. Vấn đề đặt ra với những người cầm bút là phải thể hiện một cách mực thước phù hợp trong sáng tác, phải thể hiện một cái cảm giác về mức độ trong việc vận dụng phương ngữ xã hội và thổ ngữ các vùng trong văn bản của mình”. [10]

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Anh, *Một số vấn đề về sử dụng ngôn từ trên báo chí*, Nxb Lao động, H., 2003.
2. Hoàng Anh, *Các đặc điểm của ngôn ngữ báo mạng điện tử*, Tạp chí Ngôn ngữ. Viện Ngôn ngữ học, Số 16, 6/2008.
3. Hoàng Thị Châu, *Tiếng Việt trên các miền đất nước*, Nxb KHXH, 1989.
4. Vũ Quang Hào, *Ngôn ngữ báo chí*, Nxb ĐHQG, H., 2001.
5. Nguyễn Văn Khang, *Tiếng lóng Việt Nam*, Nxb KHXH, H., 2001.
6. Đinh Trọng Lạc, *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, Nxb GD, H., 1995.
7. Ma Thị Tuyết Mai, *Nghệ thuật sử dụng tiếng lóng trong các sáng tác của Nguyễn Hồng*, Luận văn tốt nghiệp ĐH, ĐHSPTN, 2007.
8. Lê Hồng My, *Tiếng lóng trong văn Nguyễn Hồng*, Tạp chí Ngôn ngữ. Viện Ngôn ngữ học, Số 12, 12/2006.
9. Trần Thế Phiệt (1995), *Tác phẩm báo chí* (tập III), NXB Giáo dục, HN.
10. Pospelov, *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, Tập 2, Nxb GD, H., 1985.
11. Phạm Văn Tinh, *Ngôn ngữ blog và văn hóa blog*, Ngôn ngữ và Đời sống, Số 9, 2009.
12. Các báo dành cho giới trẻ (Hoa học trò, Thế giới học đường) phát hành năm 2007, 2008, 2009.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 24-05-2010)